

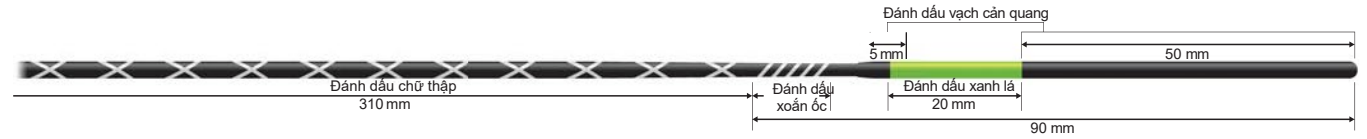
Thông số kỹ thuật

Loại 0,025-inch

Mã số sản phẩm	Đường kính ngoài tối đa	Chiều dài làm việc	Hình dạng đầu tip	Chiều dài lớp phủ ưa nước
G-260-2527S	0,63 mm(0,025-inch)	2700 mm	Đầu thẳng	70 mm
G-260-2527A			Đầu cong	
G-260-2545S		4500 mm	Đầu thẳng	
G-260-2545A			Đầu cong	

Loại 0,035-inch

Mã số sản phẩm	Đường kính ngoài tối đa	Chiều dài làm việc	Hình dạng đầu tip	Chiều dài lớp phủ ưa nước
G-260-3527S	0,74 mm(0,029-inch)	2700 mm	Đầu thẳng	70 mm
G-260-3527A			Đầu cong	
G-260-3545S		4500 mm	Đầu thẳng	
G-260-3545A			Đầu cong	



Loại đầu thẳng



Loại đầu cong



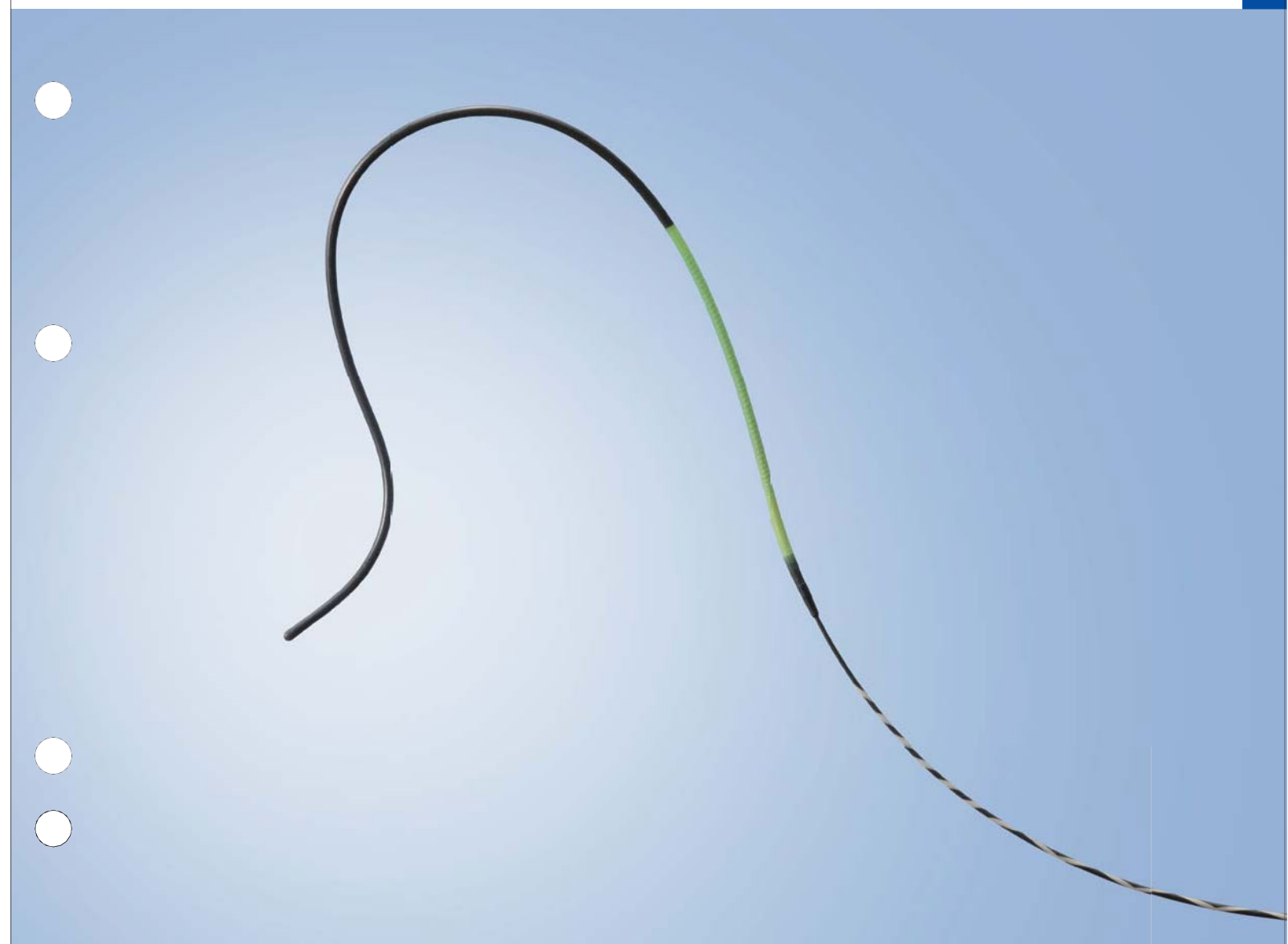
Thiết bị truyền lực xoắn cho loại 0,035



Thiết bị truyền lực xoắn cho loại 0,025

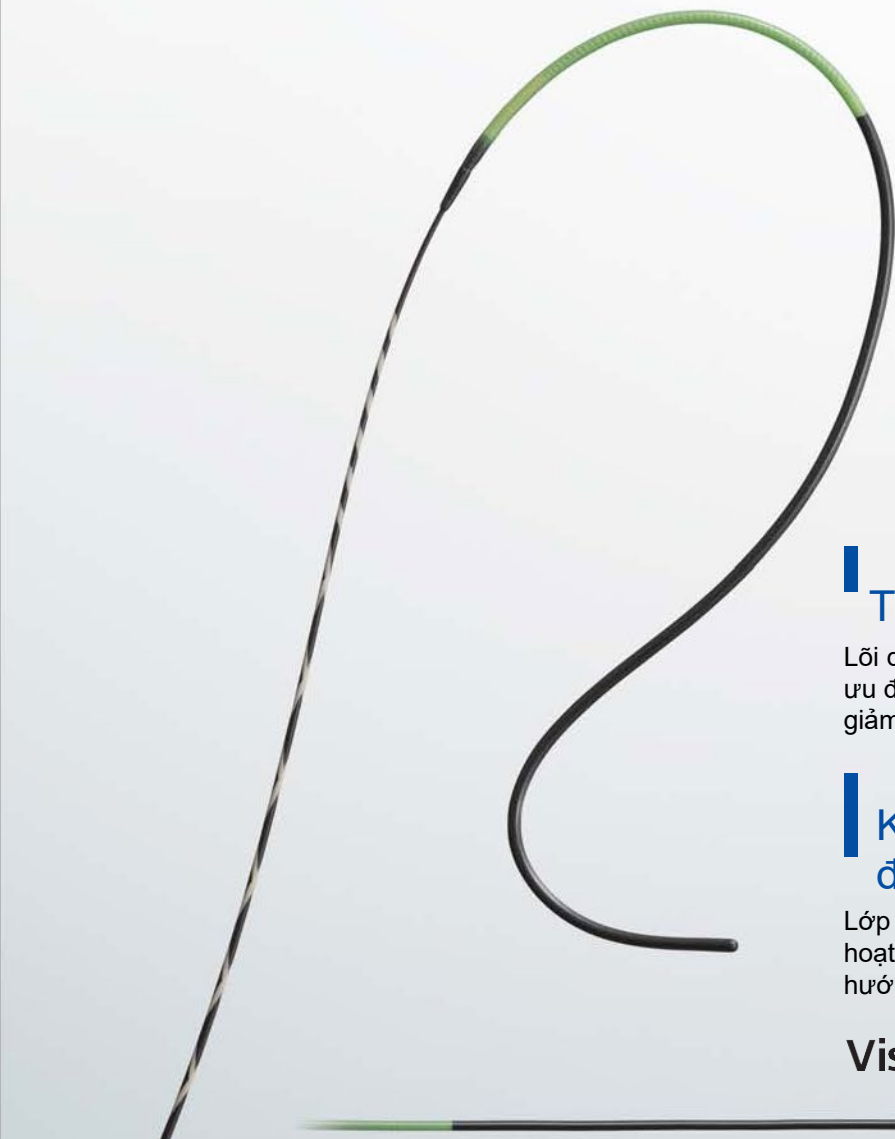
Thông số kỹ thuật, thiết kế và phụ kiện có thể thay đổi mà không cần thông báo hoặc cam kết từ phía nhà sản xuất. Sản phẩm này có thể không có sẵn ở một số khu vực.

Dây dẫn hướng
VisiGlide 2[™]



Tiêu chuẩn mới trong thiết kế dây dẫn: Tối ưu hóa thao tác chính xác và linh hoạt ở mức độ cao

Mang lại khả năng thay đổi dụng cụ can thiệp trọn tru như phiên bản trước, dây dẫn VisiGlide 2™ loại mới được đặc trưng bởi độ linh hoạt tăng cường ở đầu tip và khả năng đi qua vùng hẹp. Từ các thủ thuật thường quy đến việc đưa vào ống dẫn phức tạp, tiêu chuẩn mới trong thiết kế dây dẫn này mở rộng đáng kể phạm vi các thủ thuật có thể áp dụng.



Tiếp xúc mô trọn tru

Lõi dây trơn ở đầu cuối mang lại độ linh hoạt tối ưu để di chuyển trong ống dẫn một cách trọn tru, giảm nguy cơ tổn thương mô.

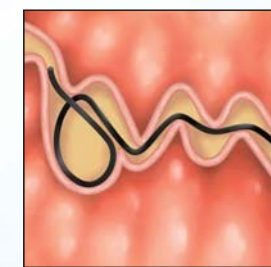
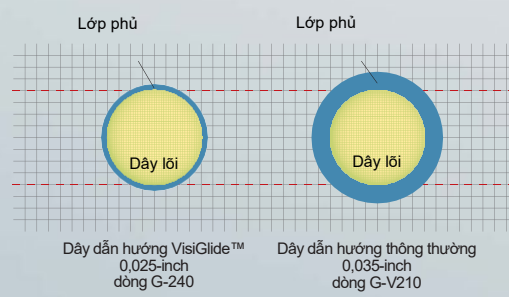
Khả năng đi qua chỗ hẹp được tăng cường

Lớp phủ ưa nước hiệu suất cao kết hợp với độ linh hoạt tối ưu của đầu tip trơn giúp dễ dàng điều hướng qua các ống dẫn hẹp

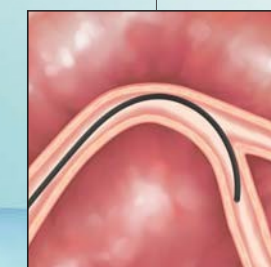
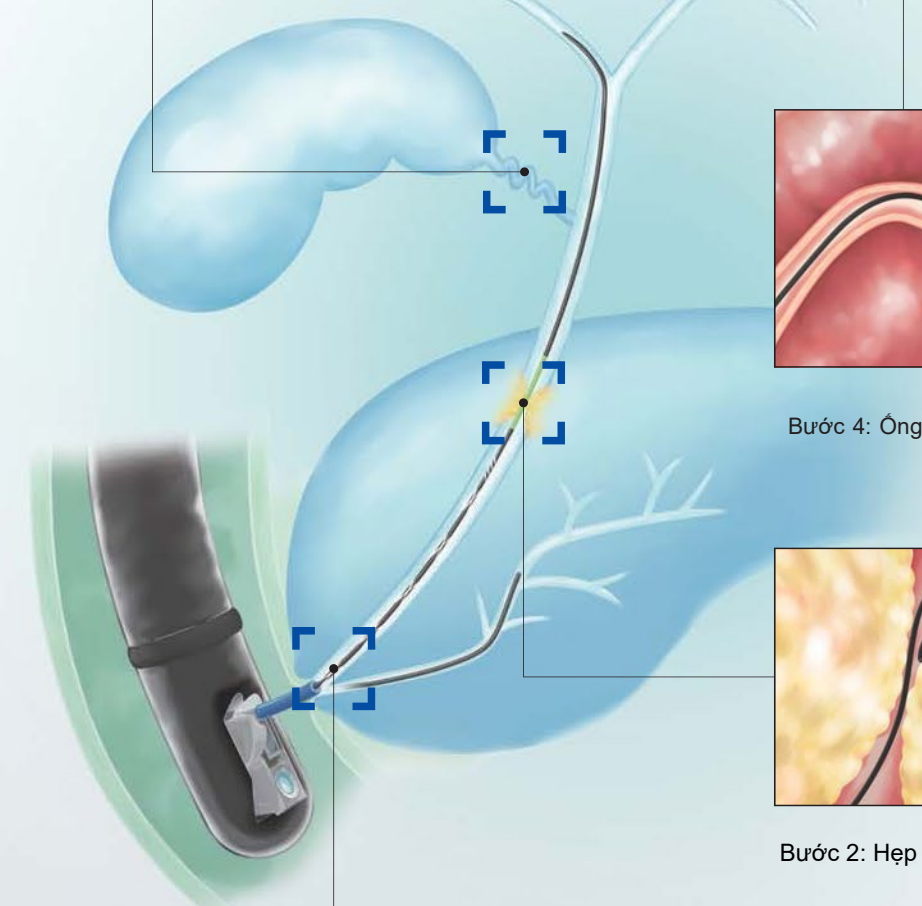


Độ cứng và độ linh hoạt

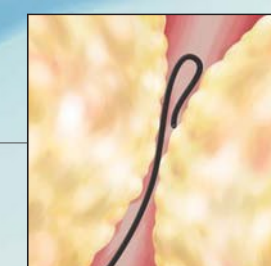
Giống như phiên bản trước, VisiGlide 2™ loại mới mang đến sự kết hợp tối ưu giữa độ cứng và độ linh hoạt. Hiệu suất đưa ống thông vào tuyệt vời được hỗ trợ bởi khả năng thay đổi dụng cụ can thiệp gần như không tổn sức, góp phần nâng cao hiệu quả trong nhiều tình huống điều trị



Bước 3: Ống túi mật



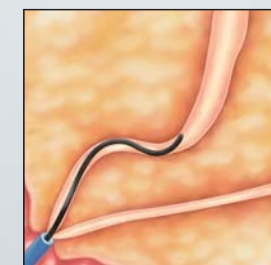
Bước 4: Ống gan



Bước 2: Hẹp đường mật

Khả năng đưa vào chọn lọc

Dây lõi trơn ở đầu tip mang lại độ linh hoạt tối ưu để hỗ trợ đưa vào các cấu trúc giải phẫu phức tạp, đồng thời khả năng kiểm soát truyền lực xoắn tuyệt vời giúp thực hiện các thủ thuật chính xác.



Bước 1: Bóng Vater

Khả năng xoắn tuyệt vời

Lõi trong đặc biệt giúp đạt được khả năng kiểm soát truyền lực xoắn tuyệt vời, phát huy hiệu quả trong các thủ thuật tinh tế như điều hướng qua vùng hẹp đường

